

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Địa lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: DƯƠNG THỊ LỢI

2. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1988; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Căn hộ số 06, tầng 7, tòa T3, chung cư Thăng Long Victory, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

Họ tên: Dương Thị Lợi

Địa chỉ: Căn hộ số 06, tầng 7, tòa T3, chung cư Thăng Long Victory, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0357120145

E-mail: duongloi1710@gmail.com

7. Quá trình công tác:

| Thời gian | Công việc, chức vụ, cơ quan |
|------------------|---|
| 6/2013 - 6/2015 | Giảng viên tập sự khoa Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội |
| 6/2015 - 3/2016 | Giảng viên khoa Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội |
| 3/2016 - 3/2019 | Giảng viên khoa Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội Học tiến sĩ tại Trường Đại học Feng Chia, Đài Trung, Đài Loan |
| 3/2019 - 12/2021 | Giảng viên khoa Địa lý. Cố vấn học tập; Tổ trưởng công đoàn; Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường ĐHSP Hà Nội |
| 12/2021- 12/2022 | Giảng viên khoa Địa lý; Cố vấn học tập; Tổ trưởng công đoàn; Trợ lý Sau Đại học, Trường ĐHSP Hà Nội |
| 12/2022 - 7/2023 | Giảng viên khoa Địa lý; Cố vấn học tập; Tổ trưởng công đoàn; Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý, Khoa Địa lý. |
| 7/2023 đến nay | Giảng viên chính khoa Địa lý; Tổ trưởng công đoàn; Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý, Khoa Địa lý. |

Chức vụ:

Hiện nay: Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý, Khoa Địa lý.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý, Khoa Địa lý.

Cơ quan công tác hiện nay:

Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS, Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Địa chỉ cơ quan: 136, Đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.834.6826

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học: ngày 16 tháng 06 năm 2010 ; Số văn bằng: A411579;
ngành: Sư phạm Địa lý Chương trình Chất lượng cao; Nơi cấp bằng Đại học (Trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng Thạc sỹ: ngày 22 tháng 07 năm 2013; Số văn bằng: A052253; ngành: Địa lý; Chuyên ngành: Địa lý học; Nơi cấp bằng Thạc sỹ (Trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sỹ: tháng 01 năm 2019; Số văn bằng: P0414367; Chuyên ngành: Địa tin học (Geoinformatics); Nơi cấp bằng Tiến sỹ (Trường, nước): Trường Đại học Feng Chia, Đài Loan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Khoa học Trái Đất – Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng thứ nhất: Tai biến thiên nhiên.

Hướng thứ hai: Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 học viên cao học (hướng dẫn chính 02, hướng dẫn phụ 01) bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng Thạc sỹ. Đang hướng dẫn 02 học viên cao học (hướng dẫn chính), dự kiến bảo vệ trong năm 2024.

- Đã hoàn thành 06 đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên. Trong đó, chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở; Thành viên của 01 đề tài cấp thành phố, 01 đề tài cấp Bộ; Thư kí của 01 đề tài thuộc Quỹ khoa học công nghệ - Nafosted, 01 đề tài cấp Đề án biên soạn Bách khoa thư Việt Nam chuyên ngành Địa lý. Đang chủ trì 01 đề tài cấp Bộ giai đoạn 1/2024 – 12/2025.

- Đã công bố 37 bài báo, báo cáo khoa học. Tất cả đều thuộc danh mục được tính điểm của Hội đồng Giáo sư liên ngành Khoa học Trái đất – Mỏ. Ứng viên là tác giả của 09 bài báo quốc tế. Trong đó, là tác giả chính của 06 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Đã xuất bản 02 cuốn sách, gồm 01 giáo trình, 01 sách tham khảo đã được sử dụng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

15. Khen thưởng:

| Tháng, năm | Khen thưởng | Cấp quyết định |
|------------|---|--|
| 2/2017 | Giải thưởng giành cho báo cáo trình bày xuất sắc nhất tại hội thảo quốc tế “International Conference on Environment and Renewable Energy” | Đồng phối hợp: Viện Địa lý, Hội chuyên gia Việt Nam ở Đài Loan và Tổ chức quan sát Trái Đất của Đài Loan (Taiwan Group on Earth Observation) |

| Tháng, năm | Khen thưởng | Cấp quyết định |
|-------------|---|---|
| 11/2017 | Giải thưởng giành cho báo cáo xuất sắc nhất tại hội thảo quốc tế “International Conference on Earth Observation and Natural Hazard” | Hong Kong chemical, biological, Environmental Engineering Society (Hiệp hội Kỹ thuật Môi trường, Hóa học, Sinh học Hồng Kông) |
| 2020 - 2021 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. | Số 4656/QĐ-ĐHSPHN ngày 11/10/2021 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 2021- 2022 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. | Số 4417/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/09/2022 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 2022- 2023 | Danh hiệu nữ cán bộ tiêu biểu năm 2022 trong chương trình “Rạng rỡ tháng Ba” | Số 47/QĐ-CĐĐHSPHN ngày 07/03/2023 của công đoàn trường Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 2022- 2023 | Giải thưởng khoa học công nghệ năm 2022 dành cho cán bộ trẻ | Số 1258/TĐ-KT ngày 12/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 2023 | Khen thưởng bài báo được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục WEB OF SCIENCE 2022 | Số 566/QĐ-BGDĐT ngày 23/2/2023 của Bộ giáo dục và đào tạo. |

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo các Tiêu chuẩn của Nhà giáo quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục năm 2019, tôi xin được tự đánh giá như sau:

- Về chính trị, tư tưởng:

Bản thân tôi có tư tưởng chính trị tốt, luôn kiên định với đường lối của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Luôn chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, là đảng viên gương mẫu, đi đầu trong các phong trào. Thực hiện tốt mọi nội quy, quy định tại nơi làm việc.

- Về đạo đức, lối sống:

Bản thân có ý thức đạo đức tốt, luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, là đảng viên gương mẫu, đi đầu trong các

phong trào. Thực hiện tốt mọi nội quy, quy định tại nơi làm việc. Bản thân có lối sống lành mạnh, trong sạch, khiêm tốn, tôn trọng và hòa đồng với mọi người.

- Về tác phong, lễ lối làm việc:

Có trách nhiệm với công việc, năng động, tích cực, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân, đáp ứng yêu cầu của đào tạo trong bối cảnh mới. Chấp hành đúng quy định giảng dạy và các nhiệm vụ khác được giao phó.

- Về ý thức tổ chức kỉ luật

Bản thân luôn thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, có ý thức tổ chức kỉ luật cao, chấp hành sự phân công điều động của tổ chức. Vận động gia đình và người thân chấp hành nghiêm túc mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Có ý thức lắng nghe, tiếp thu và sửa chữa khuyết điểm để bản thân được tốt hơn.

- Về kết quả thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao

Bản thân đáp ứng đầy đủ các chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm. Tôi được đào tạo chính quy chương trình cử nhân và thạc sĩ tại Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và được đào tạo Tiến sĩ tại Trường Đại học Feng Chia, Đài Loan. Ngoài ra tôi còn tham gia nhiều chương trình đào tạo và các khóa học chuyên sâu về viễn thám và Hệ thông tin địa lý (GIS) thuộc ngành Khoa học Trái Đất – Mỏ tại tập đoàn ESRI Việt Nam, và một số quốc gia như Thái Lan, Ấn Độ và đều được cấp chứng chỉ.

Về nhiệm vụ giảng dạy: đảm bảo đủ số giờ giảng dạy theo quy định. Bản thân luôn bám sát mục tiêu, nội dung, chương trình, thực hiện nghiêm túc quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, chủ động và tích cực xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học, bài giảng, hướng dẫn sinh viên kỹ năng tự học. Tích cực tham gia các hoạt động thực địa. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy.

Về nghiên cứu khoa học: tham gia xây dựng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học của khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tính đến thời điểm hiện tại tôi đã có 37 công trình được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, trong đó là tác giả chính của 06 bài báo đăng trên tạp chí uy tín quốc tế. Tham gia viết và biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đào tạo với 2 cuốn sách đã được xuất bản trong nước.

Về nhiệm vụ khác: ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi cũng tham gia vào nhiều vị trí khác theo sự phân công của cấp trên như: Cố vấn học tập; Tổ trưởng công đoàn; Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường ĐHSPh Hà Nội, Trợ lý sau đại học; Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Bản đồ - Viễn thám và GIS. Tôi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: 11 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1. | 2015-2016 | 0 | 0 | 0 | 0 | 135 | 0 | 135/135/270 |
| 2. | 2019-2020 | 0 | 0 | 1 | 2 | 341 | 0 | 341/362.12/186 |
| 3. | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 105 | 105/157.5/36.2 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4. | 2021-2022 | 0 | 0 | 0 | 2 | 130 | 0 | 130/140.8/174 |
| 5. | 2022-2023 | 0 | 0 | 2 | 2 | 400.3 | 0 | 340/400.32/208.9 |
| 6. | 2023-2024 | 0 | 0 | 2 (Đang hướng dẫn) | 4 | 215 | 60 | 265/306.1/136.6 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:.....Từ năm.....đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Đài Loan năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác ;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn học viên cao học (HVCH) đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|---------------------|-----------|----------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-------------------------------|---|
| | | NCS | HVCH/CK2/B SNT | Chính | Phụ | | | |
| 1. | Đinh Thị Thùy Trang | | HVCH | x | | 2019-2021 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Bằng được cấp ngày 30/12/2021, số hiệu B002868 |
| 2. | Hoàng Thị Vân | | HVCH | x | | 2021 - 2023 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Quyết định cấp bằng số 3239/QĐ-ĐHSPHN, ngày 7/8/2023 |
| 3. | Nguyễn Thị Phượng | | HVCH | | x | 2021 - 2023 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Quyết định cấp bằng số 3239/QĐ-ĐHSPHN, ngày 7/8/2023 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|--|--|----------------------------|-----------------------------------|------------|--------------|---|--|
| I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | | | |
| II SAU KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | | | |
| 1. | The Integrated Model Development for Urban Flood Risk Assessment. A case study in Hoan Kiem district, Hanoi, Vietnam | TK | NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2021 | 01 | Chủ biên | 1-117 | Số: 550/GXN-ĐHSPHN ngày 10/6/2024 |
| 2. | Giáo trình Cơ sở Hệ thống thông tin Địa lý (GIS) | GT | NXB Đại học Sư Phạm, 2022 | 02 | Đồng tác giả | 296 trang | Số: 550/GXN-ĐHSPHN ngày 10/6/2024 |

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|--|--|-----------|--|---------------------|---|
| I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | |
| II SAU KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | |
| 1. | Phát triển mô hình đa chỉ tiêu nhằm đánh giá nguy cơ lũ quét trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu cho khu vực miền núi Việt Nam. | CN | Mã số: SPHN 19 – 08, đề tài cấp Trường ĐHSP Hà Nội | 2019 – 2021 | Ngày 17/3/2021 Xếp loại: Xuất sắc |

| | | | | | |
|----|--|------------|--|--------------------|---------------------------------------|
| 2. | Ứng dụng viễn thám và GIS trong đánh giá thực trạng không gian xanh đô thị thành phố Hà Nội. | CN | Mã số: SPHN: 21-02, đề tài cấp Trường ĐHSP Hà Nội | 2021-2022 | Ngày 12/12/2022 Xếp loại: Xuất sắc |
| 3. | Nghiên cứu, đánh giá cảnh quan (tự nhiên và nhân văn) phục vụ phát triển du lịch sinh thái tại tỉnh Sơn La và Điện Biên | Thành viên | CT.2019.06.06 Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2019-2021 | Ngày 25/12/2021 Xếp loại: Đạt |
| 4 | Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu vệ tinh Sentinel trong giám sát môi trường tại thành phố Hạ Long và Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | TK | Mã số: 105.08-2018-302 Đề tài Nafosted | 2018 - 2021 | Ngày 30/7/2022 Xếp loại: Đạt |
| 5 | Nghiên cứu xây dựng và sử dụng các bản đồ giáo khoa của thành phố Hà Nội trong dạy học địa lý địa phương ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học. | Thành viên | Mã số đề tài/đề án: 01X -12/02 – 2019 – 3. Thành phố Hà Nội | 10/2019 đến 9/2021 | Ngày 30/9/2022. Xếp loại: Khá |
| 6 | Đề án: Biên soạn Bách khoa thư Việt Nam, Quyển 6, Nhiệm vụ: Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bảng mục từ quyển 6 chuyên ngành Địa lý học, Địa lý thế giới | TK | Cấp đề án Biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam | 6/2022 đến 5/2023 | Ngày 22/12/2022 Xếp loại: Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|--|------------|-------------------------------------|---|---|--|----------------------|--------------------|
| I | TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | | | |
| 1. | Ứng dụng GIS và chuỗi Markov trong đánh giá biến động đất và dự báo đất đô thị tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 6 | | | 1019-1026 | 2012 |
| 2. | Ứng dụng GIS và mô hình mất đất phổ dụng USLE trong đánh giá xói mòn đất huyện Con Công - tỉnh Nghệ An | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 0868 - 3719 | | | Tập 58 số 6A, 41- 52 | 2013 |
| 3. | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong việc đánh giá chỉ số không gian xanh đô thị tại thành phố Chandigarh - Ấn Độ | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc năm 2015. ISBN: 978-604-82-1619-1 | | | 495-500 | 2015 |
| 4. | Development of an Index for Assessment of Urban Green Spaces at City level | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | International journal of Remote sensing Applications doi:10.14355/ijrsa.2015.05.009 | | | Vol 5, 78-87 | 2015 |
| 5. | Tích hợp GIS và AHP trong phân | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Địa lí | | | 504-513 | 2016 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|---|-------------------------------------|--|--------|--|------------------------------|------|
| | vùng sinh thái cây cam tỉnh Hòa Bình | | | năm 2016. ISBN: 978-604-54-3347-8 | | | | |
| 6. | Lượng giá tổn thất kinh tế do xói mòn đất ở lưu vực hồ thủy điện Sơn La | 3 | | Tạp chí Khoa học Đại học Thái Nguyên ISSN 1859 – 2171 | | | Tập 156, Số 11 223-238 | 2016 |
| 7. | The combination of Optical and SAR data for extracting the flooded areas. Case Study: Hanoi, Vietnam | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: The international conference on Earth observation & Natural hazards 2017. ISBN: 978-604-913-650-4 | | | 1-4 | 2017 |
| 8. | The combination of GIS and modified-FFPI for evaluating the flash flood potential area in Thai Nguyen province, Vietnam | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: The international conference on Earth observation & Societal Impacts 2017 | | | | 2017 |
| 9. | Using satellite images for flood zoning in Hanoi city | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: Application of GIS and Remote sensing in Geography Research, Environmental Monitoring and Natural Resources Environment. ISBN: 978-604-54-4058-2 | | | 62-72 | 2017 |
| 10. | Integration of GIS and Remote Sensing for Evaluating Forest | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | International Journal of Environmental Science and | Scopus | | Vol 8 (8), 539-542 | 2017 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|-------------------------------------|---|--------------|--|------------------------------|------|
| | Canopy Density Index in Thai Nguyen Province, Vietnam | | | Development. ISSN: 2010 – 2064. Doi: 10.18178/ijesd.2017.8.8.1012 | | | | |
| 11. | Lưu vực vùng hồ Thủy điện Sơn La – Phạm vi và các đặc điểm địa lý tự nhiên | 2 | | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1059 | | | Tập 63, Số 01, 140-149 | 2018 |
| II SAU KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TIẾN SỸ | | | | | | | | |
| 12 | Combination of Sentinel – 1 data and multi-period Landsat in flood mapping in urban area: Hoan Kiem urban district – Hanoi - Vietnam | 4 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: The international conference on Earth Observation & Natural hazards 2019. ISBN: 978-604-913-923-9 | | | 100 - 103 | 2019 |
| 13 | Giám sát công tác cải tạo và phục hồi môi trường tại vùng than Cẩm Phả - Quảng Ninh bằng dữ liệu vệ tinh | 6 | | Hội nghị khoa học: Nghiên cứu cơ bản trong Khoa học Trái Đất và Môi trường. ISBN: 978-604-913-958-1 | | | 217-221 | 2019 |
| 14 | Detection of Flash-flood potential areas using watershed characteristics: Application to Cau River watershed in Vietnam | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Journal of Earth System Science. ISSN: 0973-774X. https://doi.org/10.1007/s12040-020-01386-0 | SCIE (Q2) | | Vol 129 (120),1-16 | 2020 |
| 15 | Định hướng không gian phát triển các vùng chuyên canh cây lâu năm tại tỉnh Sơn La trên cơ sở | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 0868-3719 | | | Số 65 (2), 173-180 | 2020 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|-------------------------------------|---|------------|--|-----------------------|------|
| | đánh giá tổng hợp cảnh quan | | | | | | | |
| 16 | Ứng dụng mô hình đa chỉ tiêu nhằm đánh giá nguy cơ lũ quét trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. Trường hợp nghiên cứu cụ thể: miền núi Tây Bắc-Việt Nam. | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khí tượng thủy văn. ISSN: 2525-2208 | | | Số 721, 31-45 | 2020 |
| 17 | Monitoring of coastline change using Sentinel-2A and Landsat 8 data, a case study of Cam Pha city - Quang Ninh province. | 6 | <input checked="" type="checkbox"/> | Vietnam Journal of Earth Sciences. ISSN: 0866-7187; e-ISSN: 2615-9783 | Scopus, Q2 | | Vol 43 (3), 249-272 | 2021 |
| 18 | Land subsidence induced by underground coal mining at Quang Ninh, Vietnam: persistent scatterer interferometric synthetic aperture radar observation using Sentinel-1 data. | 6 | | International Journal of Remote Sensing. ISSN: 0143-1161; eISSN: 1366-5901. https://doi.org/10.1080/01431161.2021.1875513 | SCIE (Q1) | | Vol 42 (9), 3563-3582 | 2021 |
| 19 | The Sustainable Development of Green Space in the Tourism Zone of Moc Chau Mountains (Son La, Vietnam) | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies. | Springer | | 1-12 | 2021 |
| 20 | Detecting Flash Flood Susceptible Areas Using a | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hội thảo quốc tế: Global Changes and Sustainable | Springer | | 451-464 | 2021 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|---|-------------------------------------|---|--------------|--|------------------------------|------|
| | Multicriteria Decision-Making Model: A Case Study of Thai Nguyen Province, Vietnam | | | Development in Asian Emerging Market Economies | | | | |
| 21. | An Assessment of Agricultural Vulnerability in the Context of Global Climate Change: A Case Study in Ha Tinh Province, Vietnam. | 6 | <input checked="" type="checkbox"/> | Sustainability ISSN: 20711050 DOI: 10.3390/su14031282 | SCIE (Q1) | | Vol 14 No 3 1282 | 2022 |
| 22 | Đánh giá chất lượng không khí tỉnh Bắc Ninh bằng phương pháp tích hợp GIS và chỉ số AQI | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 0868-3719 | | | Số 67 (1), 135- 143 | 2022 |
| 23 | Đánh giá tác động của COVID-19 đến môi trường không khí thành phố Hà Nội bằng công nghệ Viễn thám và GIS | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kỉ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 13. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ. ISBN: 9786043571134 | | | 810- 816 | 2022 |
| 24 | Nghiên cứu đánh giá nguy cơ tổn thương nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu bằng công nghệ GIS | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1067 | | | Số 67 (2), 131- 139 | 2022 |
| 25 | Đánh giá sự biến động không gian xanh tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354- | | | Số 67 (3), 110- 120 | 2022 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|-------------------------------------|---|--------------|--|----------------------|------|
| | giai đoạn 2005 – 2021 bằng chỉ số thực vật khác biệt chuẩn hóa (NDVI) | | | 1067 | | | | |
| 26 | Assessing the relationship between urban green space and urban heat island in Hanoi city | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1067 | | | Số 67 (4), 82 - 91 | 2022 |
| 27 | The integrated model development for assessing urban green space quality. A case study in Hanoi inner city, Vietnam | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | GeoJournal of Tourism and Geosites. ISSN 2065-1198, E-ISSN 2065-0817. https://gtg.webhost.uoradea.ro/2022_3_vol_43.html | Scopus, (Q3) | | Vol 43 (3), 912-918 | 2022 |
| 28 | Nghiên cứu biến động rừng ngập mặn ven biển Thái Bình bằng công nghệ Viễn thám và GIS | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Công nghệ: Đại học Thái Nguyên. ISSN: 1859-2171, 2734-9098 | | | Số 228 (8), 35-43 | 2023 |
| 29 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong đánh giá biến động hiện trạng sử dụng đất tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1067 | | | Số 68 (1), 118 - 128 | 2023 |
| 30 | Đánh giá vai trò của không gian xanh trong việc hạn chế tác động của hiện tượng đảo | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Công nghệ: Đại học Thái Nguyên. ISSN: 1859-2171, | | | Số 228 (2), 280-288 | 2023 |

| | | | | | | | | |
|-----|---|---|-------------------------------------|---|-------------|--|----------------------|------|
| | nhiệt đô thị tại thành phố Hà Nội. | | | 2734-9098 | | | | |
| 31 | Đặc điểm các nhân tố thành tạo cảnh quan huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. | 5 | | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1059 | | | Số 68 (1), 167 - 180 | 2023 |
| 32. | Assessment of Urban Flood Vulnerability Using Integrated Multi-parametric AHP and GIS | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | International of Geoinformatics. ISSN 2673-0014 (Online), ISSN 1686-6576 (Printed). https://doi.org/10.52939/ijg.v19i6.2689 | Scopus (Q3) | | Vol 19 (6), 1-16 | 2023 |
| 33 | Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến ngành du lịch thành phố Hà Nội | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1067 | | | Số 68 (3), 68-78 | 2023 |
| 34 | Suitability of bamboo to the ecological conditions in Ba Be district, Bac Kan province, Vietnam | 5 | | Heliyon, Cell Press, ISSN: 2405 – 8440. https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e22450 | SCI, (Q1) | | Vol 9 (11), e22450 | 2023 |
| 35 | Đánh giá thực trạng chất lượng không khí tỉnh Bắc Ninh | | | Tạp chí Khoa học Công nghệ: Đại học Thái Nguyên. ISSN: 1859-2171, 2734-9098 | | | Số 228 (16), 46-55 | 2023 |
| 36 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong đánh giá hàm lượng Chlorophyll - a tại khu vực Hồ Tây, thành phố Hà Nội | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí khoa học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN: 2354-1067 | | | Số 69, Tập 2, 3-10 | 2024 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|--|--|--|--|------|
| 37 | Google Earth Engine-based Mangrove Mapping and Change Detections for Sustainable Development in Tien Yen District, Quang Ninh Province, Vietnam | 8 | Hội thảo quốc tế: International Society for Photogrammetry and Remote Sensing (ISPRS), August, Manila, Philippin | | | | 2024 |
|----|---|---|--|--|--|--|------|

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà Ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: Số lượng 06, số thứ tự: [10], [14], [17], [21], [27], [32] và link truy cập các bài báo như sau:

[10] Duong Thi Loi, Tien-Yin Chou, and Yao-Min Fang, (2017). Integration of GIS and Remote Sensing for Evaluating Forest Canopy Density Index in Thai Nguyen Province, Vietnam, *International Journal of Environmental Science and Development*, 8 (8), 539-542. Doi: 10.18178/ijesd.2017.8.8.1012 . **Scopus**

[14] Duong Thi, L., Do Van, T. & Le Van, H (2020). Detection of flash-flood potential areas using watershed characteristics: Application to Cau River watershed in Vietnam. *Journal of Earth System Science*, 129, 120. <https://doi.org/10.1007/s12040-020-01386-0>. **ISI - SCIE (Q2)**.

[17] Loi, D. T., Khac, D. V., Hung, D. N., Dong, N. T., Vinh, D. X., & Weber, C. (2021). Monitoring of coastline change using Sentinel-2A and Landsat 8 data, a case study of Cam Pha city - Quang Ninh province. *Vietnam Journal of Earth Sciences*, 43(3), 249–272. <https://doi.org/10.15625/2615-9783/16066>. **Scopus**.

[21] Loi, D.T.; Huong, L.V.; Tuan, P.A.; Hong Nhung, N.T.; Quynh Huong, T.T.; Hoa Man, B.T. (2022) An Assessment of Agricultural Vulnerability in the Context of Global Climate Change: A Case Study in Ha Tinh Province, Vietnam. *Sustainability*, 14, 1282. <https://doi.org/10.3390/su14031282>. **ISI - SCIE (Q1)**.

[27] Loi, D.T., & Duong, P.T. (2022). The integrated model development for assessing urban green space quality. A case study in Hanoi inner city, Vietnam. *GeoJournal of Tourism and Geosites*, 43(3), 912–918. https://gtg.webhost.uoradea.ro/2022_3_vol_43.html. **Scopus**.

[32] Loi, D. T. (2023). Assessment of Urban Flood Vulnerability Using Integrated Multi-parametric AHP and GIS. *International of Geoinformatics*, Vol 19 (6), 1-16. <https://doi.org/10.52939/ijg.v19i6.2689>. **Scopus**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

| TT | Chương trình đào tạo | Vai trò UV (Chủ trì/tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (Số, ngày/tháng/năm) | Cơ quan thẩm định đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|--|-------------------------------|--|-----------------------------------|---|---------|
| 1 | Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Địa lý học | Thư kí | Quyết định số 394/QĐ-ĐHSPHN ngày 24/2/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Trường ĐHSP Hà Nội | Quyết định số: 4766/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/10/2022 | |
| 2 | Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Địa lý tự nhiên | Thư kí | Quyết định số 395/QĐ-ĐHSPHN ngày 24/2/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Trường ĐHSP Hà Nội | Quyết định số: 4767/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/10/2022 | |
| 3 | Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống tin Địa lý | Thư kí | Quyết định số 396/QĐ-ĐHSPHN ngày 24/2/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Trường ĐHSP Hà Nội | Quyết định số: 4768/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/10/2022 | |

| | | | | | | |
|---|---|--------|---|--------------------------|--|--|
| 4 | Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Địa lý | Thư kí | Quyết định số 397/QĐ- ĐHSPHN ngày 24/2/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Su phạm Hà Nội | Trường ĐHSP Hà Nội | Quyết định số: 4769/QĐ- ĐHSPHN ngày 14/10/2022 | |
|---|---|--------|---|--------------------------|--|--|

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
NGƯỜI ĐĂNG KÝ